

LƯỢC QUAN HỆ THỐNG SÁCH “TIẾT YẾU” GẮN VỚI “BÙI THỊ NGUYÊN BẢN”

NGUYỄN HẢI ANH*

Tóm tắt: Sách “Tiết yếu” gắn với “Bùi thị nguyên bản” là hệ thống kinh điển Nho gia phục vụ trực tiếp cho giáo dục và khoa cử, phổ biến trong xã hội đương thời như một loại sách giáo khoa cho sĩ tử học tập ở triều Nguyễn. Hệ thống này gồm 04 bộ phận chính: *Tứ thư*, *Ngũ kinh*, *Tính lý*, *Thiếu Vi tiết yếu*, bao quát dường như đầy đủ kinh, truyện, sử và triết - tri thức cơ bản để ứng thí khoa trường. Đặc biệt, bộ *Ngũ kinh tiết yếu diễn nghĩa* là tác phẩm dịch Nôm gần như đầy đủ nhất năm bộ kinh của Nho giáo ở Việt Nam. Với tầm quan trọng đó, trong thời gian gần đây đã thu hút sự quan tâm chú ý của nhiều học giả trong và ngoài nước, nhưng chưa có nghiên cứu nào trực tiếp giới thiệu về hệ thống thư tịch này. Bằng việc kế thừa và tập hợp những thành quả đi trước, bài viết sẽ giới thiệu tổng quan về quy mô và đưa ra những nhận xét sơ bộ, nhằm đem đến những hiểu biết cơ bản và định hướng cho những nghiên cứu chuyên sâu trong tương lai về hệ thống thư tịch Tiết yếu này.

Từ khóa: Tiết yếu, Bùi thị nguyên bản, kinh điển Nho giáo ở Việt Nam, giáo dục khoa cử.

Abstract: *Jieyao* 節要 (or The book of essentials) associated with *Peishi yuanben* 裴氏原本 is a system of Confucian classics that directly serves education in the Confucian and Imperial examination, popular as a type of textbook for students studying in the Nguyen Dynasty. This system includes four main parts: *Sishu* 四書, *Wujing* 五經, *Xingli* 性理, *Shaowei* 少微, seemingly covering all Confucian classics, literature, history and philosophy - basic knowledge for Imperial examination during this period. In particular, *Wujing jieyao yanyi* 五經節要演義 is the most complete Nom translation of *Wujing* 五經 in Vietnam. With that importance, in recent times, it has attracted the attention of many researchers in Vietnam and abroad, but there has been no research that directly introduce this bibliographic system. By inheriting and gathering previous achievements, this article will introduce an overview of the scale and make preliminary comments to provide basic understanding and direction for future in-depth research about this system.

Keywords: *Jieyao* 節要, *Peishi yuanben* 裴氏原本, education and Imperial examination, Vietnam Confucian classics

1. Tổng quan về *Tiết yếu* và “Bùi thị nguyên bản”

Qua trình tiếp biến kinh điển Nho gia ở Việt Nam ghi nhận 02 xu hướng. Một là tiếp nhận trực tiếp, nguyên bản các tác phẩm từ Trung Hoa, hai là các tác phẩm

của các nhà Nho Việt Nam. Dạng thức thứ nhất, tiêu biểu là các bộ *Đại toàn* 大全 được lưu trữ ở khu vực quan phương mà kèm với đó là những thư tịch được tiếp

* NCS., Trường ĐH KHXH & NV, Đại học Quốc gia Hà Nội

đường giao thương - Bắc thư, Bắc thư Nam ẩn. Dạng thứ hai còn gọi là Nam thư - các trước tác trực tiếp các nhà Nho Việt Nam, được ghi nhận dưới 02 loại hình. 1. Nghĩa lý chi học 義理之學: là các tác phẩm kinh học, phụ diễn nghĩa lý kinh điển theo quan điểm và góc nhìn của các nhà Nho Việt Nam, các tác phẩm này tiêu biểu cho Nho học Việt Nam, đánh dấu sự phát triển trong kinh học và học thuật; 2. Vụ thực chi học 務實之學: là các tác phẩm kinh điển Nho gia được biên tập phục vụ cho giáo dục và khoa cử. Có thể phân ra làm 02 dạng thức: Đầu tiên là các tác phẩm diễn Nôm, giải nghĩa, diễn âm mà mục đích chính nhằm làm cho tư tưởng Nho gia phù hợp hơn với tư duy người Việt. Thứ hai là hệ thống các sách tiết yếu, toàn yếu, tiết lược. Nhìn chung chúng là các tác phẩm được biên tập bằng cách tập hợp có chọn lọc những chú giải từ những kinh điển Nho gia, sao cho phù hợp với yêu cầu của nền giáo dục đương thời cũng như ưu tiên chủ quan của tác giả mà hệ thống sách Tiết yếu (節要) gắn với “Bùi thị nguyên bản 裴氏原本” có thể coi như một thí dụ tiêu biểu.

Trong thời gian gần đây, các học giả trong và ngoài nước đã đặt nhiều sự quan tâm đến hệ thống thư tịch này. Thế nhưng, bởi dung lượng khá đồ sộ nên phần lớn các nghiên cứu chủ yếu theo hai hướng: 1. Những định hướng và định tính chung, thiếp liệp ở các bài viết về kinh điển Nho gia và giáo dục khoa cử ở Việt Nam; 2. Tập chung đi sâu vào một hoặc một số bộ phận chuyên biệt và chú trọng vào vấn đề tiết yếu giản lược kinh điển, nên chưa nêu bật được quy mô và giá trị của hệ thống thư tịch này. Bởi vậy, nhằm cung cấp những

hiểu biết mang tính nền tảng, bằng việc kế thừa và tập hợp các thành tựu nghiên cứu của các học giả đi trước, bài viết sẽ giới thiệu tổng quan về hệ thống tư liệu Tiết yếu (chữ “tiết” được viết hoa có ý nhấn mạnh) gắn với “Bùi thị nguyên bản” này.

1.1. Hệ thống sách Tiết yếu

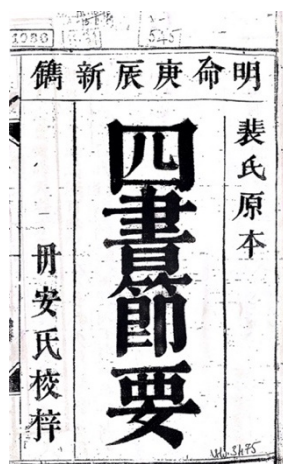
Nguyễn Phúc Anh đã đặt ra một câu hỏi cho những học giả nghiên cứu hệ thống sách Tiết yếu: “Vậy, thực ra, cần phải bắt đầu từ đâu, trước khi đi sâu nghiên cứu quá trình tiết yếu *Tứ thư*, *Ngũ kinh Đại toàn* ở Việt Nam?”¹. Đây là câu hỏi rất khó trả lời. Trên thực tế, lịch sử chú giải hay kinh học sử của từng bộ kinh điển đều là một ngành nghiên cứu chuyên biệt; hơn thế nữa, việc tiết yếu kinh điển là một hình thái khá phổ biến trong các thư tịch kinh điển Nho gia, đặc biệt là các tác phẩm chú thích thư theo mô thức của hệ *Đại toàn*. Thí dụ như đối với *Tứ thư*, ở Trung Hoa, Ngụy Duệ Giới (1616 - 1689) đã tiến hành “tiết yếu” *Tứ thư* từ *Tứ thư đại toàn*, lời *Đề yếu* sách *Tứ thư đại toàn toàn yếu* (四書大全纂要) có nói như sau: “Cuốn sách này, do bởi bản *Tứ thư đại toàn* Vĩnh Lạc mệnh mang quảng bác, người học đi thi ít ai có thể học hết những thuyết trong đó, bèn nhặt những chỗ yếu lãnh, khiến cho dễ hiểu dễ thuộc. Nhưng *Đại toàn* tạp nham muôn thức, trong cát lẫn vàng, những điều cốt lõi không nhiều. Những chỗ Ngụy Giới trích ra lại không phải đã sạch hết cỏ rác để chỉ còn tinh hoa, việc [tiết lược] ấy cũng chỉ hư hao tâm lực mà thôi”².

Như vậy, có thể thấy, *Đại toàn* như một cái kho lớn chứa nhiều tài nguyên, sự tiết lược chẳng khác chi việc khai thác kho

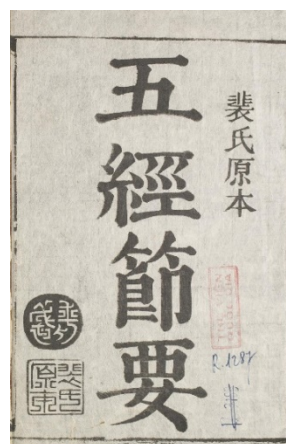
tài nguyên ấy tùy theo nhu cầu của mỗi học giả. Tuy là việc “thuật nhi bất tác”, nhưng qua những tri thức được chọn lựa biên tập thì quả thực mục đích và tôn chỉ của tác giả được phản ánh cụ thể và sống động, đó cũng là việc “dĩ thuật vi tác”. Trước khi hệ thống sách Tiết yếu gắn với “Bùi thị nguyên bản”, thì việc tiết yếu kinh điển Nho ra ở Việt Nam đã có một lịch sử lâu đời. Đầu tiên phải kể đến Chu An (1292 - 1370) với *Tứ thư thuyết ước* (四書說約), Nguyễn Huy Oánh (1713 - 1789) với *Tứ thư, Ngũ kinh, Tính lý toàn yếu* (四書五經性理纂要); tuy các văn bản của chúng còn tàn khuyết, nhưng chữ “thuyết ước” và “toàn yếu” trong tên gọi phần nào cũng gọi ra tính tiết yếu trong việc biên soạn của tác giả. Bên cạnh đó, *Tứ thư ước giải* (四書約解) là tác phẩm của Lê Quý Đôn (1726 - 1784), tiết lược và diễn Nôm *Tứ thư*, với mục đích tạo ra phương tiện để những người sơ cơ ấu học dễ dàng thông hiểu kinh văn và tập chú của Chu Hy. Một tác phẩm khác, theo Trúc Khê Ngô Văn Triện, trước khi xuất hiện bộ *Tứ thư tiết yếu* ra đời, Bùi Huy Bích đã soạn *Tứ thư quan Hành* (四書官行)³. Nhưng hiện nay, chưa tìm được

văn bản nào có nhan đề như vậy. Có một số học giả cho rằng, *Tứ thư quan Hành* là cách gọi dân gian của *Tứ thư tiết yếu*, có nghĩa là bản *Tứ thư* do quan Hành Tham tụng biên soạn⁴.

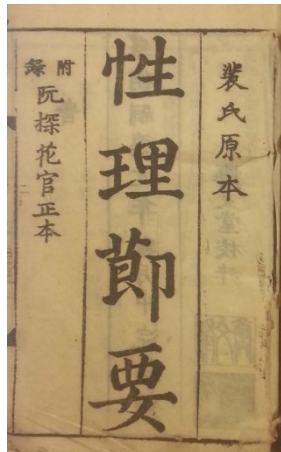
Vậy hệ thống sách Tiết yếu chúng tôi muốn nhắc đến ở đây là gì? Theo như 03 bài Tựa⁵, Tiết yếu được định nghĩa: thứ nhất là hệ thống thư tịch chuyên phục vụ cho khoa cử “節要者，科舉之學也 *Tiết yếu giả, khoa cử chi học dã*.”; thứ hai chúng gắn liền với “Bùi thị” (thầy họ Bùi) “節要者，裴氏原本也 *Tiết yếu giả, Bùi thị nguyên bản dã*”. Dựa theo hai đặc điểm này, chúng tôi xác định được 04 hợp phần chính của hệ thống thư tịch này gồm: 1. *Tứ thư tiết yếu* (四書節要), 2. *Ngũ kinh tiết yếu* (五經節要), 3. *Tính lý tiết yếu* 性理節要, 4. *Thiếu Vi tiết yếu* (少微節要). Ngoài ra, còn có 02 hợp phần phụ: *Ngũ kinh tiết yếu diễn nghĩa* (五經節要演義) và *Chu lễ tiết yếu* (周禮節要). Về tình trạng tư liệu cũng như nội dung từ hợp phần sẽ được chúng tôi trình bày cụ thể ở phần 02 Hiện trạng và nội dung hệ thống sách Tiết yếu.



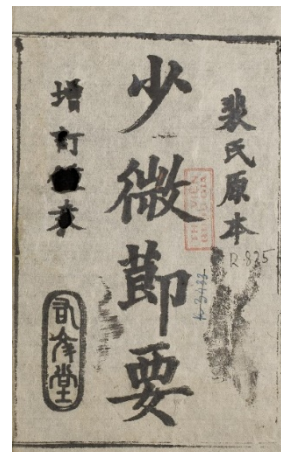
Hình 1: *Tứ thư tiết yếu* (VHv.3475)



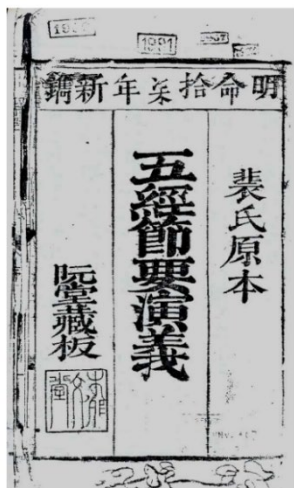
Hình 2: *Ngũ kinh tiết yếu* (R.1287)



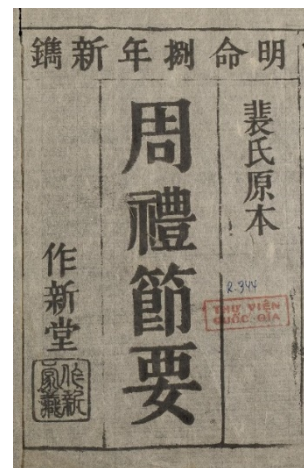
Hình 3: Tính lý tiết yếu (bản sưu tầm)



Hình 4: Thiếu Vi tiết yếu (R.825)



Hình 5: Ngũ kinh tiết yếu diễn nghĩa (VNv.107)



Hình 6: Chu lễ tiết yếu (R.344)

1.2. Quan điểm về “Bùi thị nguyên bản”

Bàn về tác giả của *Tiết yếu* phần lớn các ghi chép trong các thư tịch đều cho rằng: “Bùi thị” ở đây là chỉ Bùi Huy Bích 裴輝璧 (1744-1818)⁶. Đầu tiên phải nhắc tới Phan Thúc Trục 潘叔直 (1802-1852) ghi trong *Quốc sử di biên* (國史遺編): “Tháng ba, cố quan Hành Tham tụng nhà Lê là Bùi Huy Bích mất. Các sách *Tứ thư*, *Ngũ kinh*, *Tính lý*, *Chu Lễ*, *Thiếu Vi* các phường in đều dựa theo nguyên bản họ Bùi mà san hành, thế Nho coi đó là báu vật”⁷.

Thứ hai theo nhận xét của Nguyễn Thông (1827 - 1884), trong khi chấm thi Hương trường Thừa Thiên vào tháng 7 năm Tự Đức thứ 23 (1870). Được biết Nho sinh chủ yếu học bộ sách *Tiết yếu* do Bùi Huy Bích biên soạn, ông đã dâng sớ lên án kịch liệt, cho rằng bộ sách này “đại để sỉnh những câu sáo ngữ giúp cho việc thi cử để lừa dối kẻ hậu sinh. Những người có tài, có chí bị chôn vùi trong nền học ủy mị méo mó ấy, mà không tự biết! Vì thế tôi ví với dị đoan tà thuyết, lừa đời dối dân, cũng

không phải quá đáng”. Vua Tự Đức sau đó có phê như sau: “Bộ sách *Tiết yếu* của Bùi Huy Bích là bản tư, dùng trong nhà ông ta. Các học trò thấy ước lược có lợi đem dùng học tất cho mau”⁸. Một nhận định khác đến từ lời nhận xét của Huỳnh Thúc Kháng (1876-1947): “Sách kinh, truyện và sử *Tiết yếu* của Bùi Huy Bích là thứ sách gì? Cắt đầu, hót đuôi, bôi son, vẽ lọ, không thành tư cách một cuốn sách, mà đem ra cho công chúng học [...] chẳng khác gì ngọn lửa nhà Tần thứ hai trong học giới nước ta”⁹.

Di sản Hán Nôm Việt Nam - thư mục đều yếu, các sách *Tiết yếu* có dòng “Bùi thị nguyên bản” đều nói là của Bùi Huy Bích và không giải thích lý do. Các học giả hiện đại như Nguyễn Tuấn Cường, Quách Thị Thu Hiền, Bùi Anh Chương, Ngô Dung, Vương Hạo đều tán đồng với quan điểm này¹⁰. Thế nhưng, trước đó, Hoàng Xuân Hãn (1952) cho rằng Bùi thị ở đây là Bùi Dương Lịch 裴揚璽 (1757-1827) người đã giúp La Sơn phu tử Nguyễn Thiệp 阮浹 (1723-1804) ở Sùng Chính viện dịch Nôm các kinh điển Nho gia trong triều Tây Sơn¹¹. Thuyết này hiện không được nhiều học giả ủng hộ.

Có một điểm đáng lưu ý, việc phủ định luận điểm “Bùi thị” là Bùi Huy Bích, hiện nay chưa tìm được bất cứ một ghi chép nào do chính Bùi Huy Bích tự nhận hoặc học trò của ông ghi lại việc ông làm ra bộ *Tiết*

yếu này. Cho dù, ông là nhà biên tập của hai tác phẩm lớn trong nền văn học Việt Nam: *Hoàng Việt thi tuyển* 皇越詩選 và *Hoàng Việt văn tuyển* 皇越文選. Vấn đề đặt ra, kinh điển bao giờ cũng có vị trí quan trọng hơn thơ văn trong quan niệm của nhà Nho, vậy mà bộ kinh truyện sử lớn như vậy lại không được nhắc tới. Từ đó dẫn tới một thuyết khác cho rằng *Tiết yếu* là một công trình do nhiều tác giả biên tập và được gán cho Bùi Huy Bích để làm tăng uy tín học học thuật của tác phẩm, thu hút sĩ tử. Hiện nay, bởi văn hiến không đủ để làm dẫn chứng, nên vấn đề tác giả của tác phẩm, nghiên cứu chỉ dừng lại ở việc “thuật nhi bất tác” như vậy mà thôi.

2. Hiện trạng và nội dung hệ thống sách *Tiết yếu*

2.1. Hiện trạng tư liệu

Trong mỗi một hợp phần của hệ thống sách *Tiết yếu* có nhiều bộ phận riêng biệt. Thường các hệ bản ra đời vào giai đoạn Minh Mệnh (1820 - 1840) sang đầu Thiệu Trị (1841 - 1847) thì phần niên đại được ghi sau bài tựa; bắt đầu từ giữa Thiệu Trị (1842) về sau, dòng niên đại thường được để ở mặt sau của trang bìa. Dựa vào phần niên đại và xuất xứ in ở cuốn đầu tiên của mỗi một hợp phần, chúng tôi đã xác định được những hệ bản thuộc hệ thống sách *Tiết yếu* như sau:

Bảng 1: Danh sách các hệ bản của các hợp phần của hệ thống sách *Tiết yếu*

	SST	Niên đại	Xuất xứ	Ký hiệu	Mô tả
<i>Tứ thư tiết yếu</i>	1.	Minh Mệnh thứ 1 (1820)	Đan An thị hiệu tử	VHv.3475	

	2.	Thiệu Trị thứ 2 (1842)	Đa Văn đường Trần thị tàng bản	HN 1384	Thường tàng tàng bỏ (từ đây viết là TTTB)
	3.	Chưa xác định	Chưa xác định ¹²	HN 1388	
	4.	Tự Đức thứ 4 (1850)	Thịnh Văn đường Trần thị tàng bản	VHv.3553 HN 1385	
	5.	Tự Đức thứ 32 (1879)	Tập Văn đường tàng bản Đan An tàng bản	HN 1380 HN 1381 HN 1386	
	6.	Thành Thái thứ 2 (1890)	Phú Văn đường tàng bản Đan An tàng bản	HN 1382 HN 1387	
	7.	Thành Thái thứ 7 (1895)	Liễu Văn đường tàng bản Đan An tàng bản	AC.226/1 Hn.322	
	8.	Thành Thái thứ 7 (1895)	Thịnh Mỹ hiệu tàng bản Đan An tàng bản	R.380	
	9.	Thành Thái thứ 9 (1897)	Tự Văn đường tàng bản	H.335 HN 1379	
Ngũ kinh tiết yếu	1.	Minh Mệnh thứ 11 (1830)	Tác Tân đường	R.1358	Ngũ án tuan bỏ
	2.	Thiệu Trị thứ 2 (1842)	Thịnh Văn đường	R.1295	
	3.	Thiệu Trị thứ 6 (1846)	Đa Văn đường	AC.422/1 - 10	
	4.	Thành Thái thứ 9 (1897)	Tự Văn đường	AC.194/1 - 10	
	5.	Thành Thái thứ 9 (1897)	Đông Cương Thịnh Mỹ đường	HV 334	
Ngũ kinh tiết yếu diễn nghĩa	1.	Minh Mệnh thứ 17 (1836)	Nguyễn đường	VNv.107	
	2.	Minh Mệnh thứ 18 (1837)	Đa Văn đường	AB. 539/1 - 12	
Chu lễ tiết yếu	1.	Minh Mệnh thứ 8 (1827)	Tác Tân đường	AC. 213/1-2 R.344	
	2.	Thiệu Trị thứ 3 ¹³ (1843)	Tập Văn đường	AC. 591/1-2	
Tĩnh lý tiết yếu	1.	Thiệu Trị thứ 2 (1842)	Thịnh Văn đường	H.111	TTTB và Phụ lục ¹⁴
	2.	Thiệu Trị thứ 2 (1842)	Thịnh Văn đường	Hv.13 Hv.14	
	3.	Thiệu Trị thứ 3 (1843)	Tập Văn đường Đan An tàng bản	AC.5 R.372	
	4.	Thiệu Trị thứ 4 (1844)	Mĩ Văn đường	R.932 R.1400	
	5.	Tự Đức thứ 1	Bác Văn đường		
Thiếu vi tiết yếu	1.	Tự Đức thứ 4 (1850)	Hữu Văn đường	Paris.MG. FC. 30371- 30393 ¹⁵	

	2.	Tự Đức thứ 19 (1866)	Cẩm Văn Đường tàng bản	R.825	
	3.	Thành Thái thứ 13 (1901)	Liễu Văn đường	AC.6/1-12	

Như vậy, cho tới thời điểm hiện nay đã xác định được ít nhất 26 hệ bản là các hợp phần sách Tiết yếu gắn với “Bùi thị nguyên bản”, của các nhà in qua các niên đại khác nhau¹⁶. Hợp phần *Tứ thư* và *Ngũ kinh* xuất hiện sớm ngay từ thời kỳ Minh Mệnh (1820 - 1840); *Tính lý* và *Thiếu Vi* xuất hiện muộn vào giai đoạn ổn định của khoa cử. Có ít nhất 08 (có thể là 09) hệ bản được khắc in trong niên đại Thiệu Trị (1841 - 1847). Đặc biệt, 04 bản *Tính lý tiết yếu* đều khắc in trong giai đoạn này. Có thể nói, tuy chỉ trong 07 năm nhưng đây là thời kỳ chính trị ổn định và khoa cử phát triển nhất ở triều Nguyễn. Bắt đầu từ giai đoạn này, hệ thống Tiết yếu phổ biến ra quần chúng mà chứng cụ thể nhất là việc các nhà in liên tiếp bổ sung bộ phận *Thượng tạng tăng bổ*, *Ngự án tuân bổ* ở các hệ bản thời Tự Đức, Thành Thái và nhận xét của Nguyễn Thông với vua Tự Đức. Hệ bản cuối cùng còn tìm được là bản *Thiếu Vi tiết yếu* in năm 1901, chỉ 05 năm trước khi diễn ra cải lương giáo dục khoa cử.

Nhận định chung, từ góc độ lịch sử, những điển tịch quan phương ghi chép về khoa cử đã miêu tả quá trình tiệm tiến tái thiết chế độ khoa cử từ triều Gia Long (1802 - 1819) với các khoa thi Hương được tổ chức sáu năm một lần (tức các khoa thi 1807, 1813, 1819), đến triều Minh Mệnh với kỳ thi Hội, thi Đình đầu tiên dưới triều Nguyễn (1822). Quan trọng hơn, từ thời điểm đó, điển chế ba năm một kỳ Đại khoa

tiếp tục duy trì cho đến khi khoa cử chấm dứt ở Việt Nam (1919). Tính từ văn bản *Tiết yếu* xuất hiện sớm nhất được tìm thấy là *Tứ thư tiết yếu* năm Canh Thìn niên hiệu Minh Mệnh thứ nhất (1820), đến văn bản muộn nhất là *Thiếu Vi tiết yếu* Liễu Văn đường niên hiệu Thành Thái thứ 13 (1901), có thể nói hệ thống thư tịch này liên tục được khắc in, đồng hành cùng sự ổn định, phát triển, cải lương và chấm dứt khoa cử triều Nguyễn, Việt Nam.

2.2. Nội dung tư liệu

Năm Vĩnh Lạc thứ 12 (1415), sau khi vâng lệnh Minh Thành Tổ, nhóm Hồ Quảng toàn tu ba bộ *Đại toàn* bao gồm: *Tứ thư đại toàn* (四書大全), *Ngũ kinh đại toàn* (五經大全) và *Tính lý đại toàn* (性理大全)¹⁷. *Đại toàn* nhanh chóng trở thành hệ thống thư tịch quan phương được sử dụng trong giáo dục và khoa cử không chỉ ở Trung Quốc mà truyền sang cả các nước đồng văn, trong đó có Việt Nam. Văn bản chính thức và duy nhất hiện còn có ghi rõ quy định về chú giải kinh điển tiêu chuẩn dùng trong trường kinh nghĩa, của khoa cử Việt Nam là vào triều Nguyễn là lệ định vào năm Minh Mệnh thứ 13 (1832) được ghi chép trong *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*. Có nói như sau: “Còn về người chấm phê quyển thì những ý nghĩa *Ngũ kinh*: về *Kinh Dịch* chủ yếu theo ông Trình Tử và Chu Tử; *Kinh Thư* chủ yếu theo *Sái truyện*; *Kinh thi* chủ yếu theo *Tập truyện* của Chu Tử; *Kinh Xuân Thu* thì chủ yếu

theo bản sự Tả thị, tham khảo *Công Dương, Cốc Lương* hoặc lời nói *Hồ truyện; Lễ ký* chủ yếu theo *Tập thuyết* của họ Trần. Ý nghĩa *Tứ thư* chủ yếu theo *Tập chú* của Chu Tử.”¹⁸. Mặt khác, quy định ấy không đồng nghĩa lấy một cuốn sách hay một bản chú giải nào làm trung tâm, mà quan trọng là về phương diện nghĩa lý không trái với cách hiểu kinh của nhà nước. Từ đó, bên cạnh những bộ *Đại toàn*, thì còn xuất hiện những tác phẩm có tính tham khảo, phụ lục khác như: *Tồn nghi, Bị chỉ, Mông dẫn, Thử chú, ...* đều là những cuốn sách thêm những kiến giải văn liệu cho sĩ tử. Tiết yếu cũng vậy. Xuất phát từ yêu cầu một công cụ “tiếp kính” cho việc học và thi, mà dung lượng của các bộ *Đại toàn* quá lớn, bành bác khiến cho sĩ tử khó có thể dùng nó như một tài liệu ôn tập, Tiết yếu ra đời, ngược lại, có thể coi như một phương tiện “ưu việt” đảm bảo hai đặc điểm: đủ nội dung cơ bản và sở đắc một số kiến thức quan trọng khác và thích hợp với điều kiện kinh tế và trình độ học vấn của sĩ tử Việt Nam. Thí dụ, một bộ *Tứ thư đại toàn* trung bình khoảng 40 quyển, số lượng đó sẽ là một vấn đề để phổ cập chúng tới các cơ sở giáo dục Việt Nam bấy giờ. Trong khi *Tứ thư tiết yếu* chỉ gồm 08 quyển, mà nội dung cơ hồ đầy đủ các kiến thức cơ bản và đặc được những văn liệu phục vụ cho văn khoa cử, thế nên nó phổ biến trong xã hội. Bởi vậy, Tiết yếu gắn chặt với khoa cử mà minh chứng rõ nhất là nó đứng ngay sau những lời phê phán của các học giả về khoa cử và cụ thể hơn là lời nhận xét của Huỳnh Thúc Kháng đã nói ở trên. Nói cách khác, khoa cử yêu cầu những gì, thì Tiết yếu sẽ xuất hiện những nội dung đó.

Quá trình tìm hiểu tư liệu hệ thống sách Tiết yếu cho thấy rằng: tuy có sự sai biệt về niên đại, nhà in, văn tự nhưng nói chung là nội dung của các hệ bản thuộc các hợp phần tương đối giống nhau. Có nhiều hệ bản niên đại muộn có thể là phúc bản hoặc phúc bản bổ xung của các hệ bản trước. Mặt khác, mỗi một hợp phần này lại có nhiều thành phần hạt nhân mà niên đại, xuất xứ chỉ có thể xác định qua cuốn đầu tiên của mỗi hợp phần (Ví dụ: *Tứ thư* xác định qua cuốn *Đại học, Ngũ kinh* tùy từng hệ bản, ...) nên có 02 giả thiết được đặt ra: 1. Giả thiết thứ nhất: mỗi một hệ bản đều bao gồm đủ các hợp phần với số lượng quyển như nhau; 2. Giả thiết thứ hai: chỉ có một số bộ phận được ưa chuộng theo nhu cầu của sĩ tử nên được san khắc, in ấn. Tạm cho rằng giả thiết thứ nhất là đúng, căn cứ vào đó, chúng ta có thể xác định nội dung từng hợp phần như sau:

1. *Tứ thư tiết yếu* có tên đầy đủ là *Tứ thư đại toàn tiết yếu* (四書大全節要), được tiết lược từ *Tứ thư đại toàn*. Tuy hệ bản năm Minh Mệnh thứ nhất không có phần mục lục và có nhiều khác biệt về nội dung phần chính văn, nhưng 08 hệ bản còn lại, nội dung phần chính văn đều tương tự như nhau, bao gồm 08 quyển (01 *Đại học*, 01 *Trung dung*, 03 *Luận ngữ*, 03 *Mạnh Tử*). Qua khảo sát sơ bộ khi so sánh với bản *Tam Ngư đường Tứ thư đại toàn* (三魚堂四書集注大全) của Lục Lũng Kỳ 陸隴其 (Thanh), nội dung phần kinh văn giữ lại dường như đầy đủ, nhưng phần Đại chú và Tiểu chú thì tiết lược nhiều, nhưng lại bổ sung một số chú thích cho từ ngữ và nghĩa lý khác.

2. *Ngũ kinh tiết yếu* là hợp phần tiết lược từ bộ *Ngũ kinh đại toàn*¹⁹. Khác với chỉnh thể liên kết của bộ *Tứ thư*, mỗi kinh trong hợp phần này khá tách biệt. Trừ *Lễ ký* có 03 quyển, 04 bộ còn lại mỗi bộ có 04 quyển, tổng cộng 19 quyển, 1.640 trang. *Ngũ kinh tiết yếu diễn nghĩa*²⁰ về nội dung cũng gần tương tự với *Ngũ kinh tiết yếu* nhưng phần tiểu chú thì lược nhiều và có bộ phận diễn Nôm phần kinh văn. Bộ sách này với bộ *Tứ thư ước giải* (四書約解) của Lê Quý Đôn là hai tác phẩm dịch Nôm chính văn *Tứ thư Ngũ kinh* tương đối đầy đủ ở Việt Nam ở giai đoạn Lê - Nguyễn. Thế nhưng, tác phẩm này sau không được các nhà in khắc in lại cũng vì tính ứng dụng trong khoa cử của chúng không cao. *Chu lễ tiết yếu* gồm 06 quyển được tiết lược từ bộ *Chu lễ chú sớ san dục* (周禮注疏刪翼) bởi Vương Chí Trường 王志長 nhà Minh. *Chu lễ* không phải là nội dung trong trường kinh nghĩa và cũng không nằm trong hệ *Ngũ kinh*, nhưng lại là tri thức quan trọng trong khoa cử nên vẫn xuất hiện bản Tiết yếu.

3. *Tính lý tiết yếu*: hợp phần này có tên đầy đủ là *Tính lý đại toàn tiết yếu* (性理大全節要), được tiết lược từ *Tính lý đại toàn*, thành 05 quyển. Đây là bộ sách tập hợp các tác phẩm bản về tính lý (triết học Nho giáo) của các nhà Nho thời Tống. Theo Bùi Anh Chương, bộ sách này đã tiết lược còn 369 đề mục đề mục so với 502 đề mục được nêu trong *Đại toàn*, các hệ bản xuất hiện bộ phận Thượng tầng tăng bổ về sau có bổ sung thêm 16 đề mục. Nội dung của mỗi đề mục thì tiết lược nhiều.²¹

4. *Thiếu Vi tiết yếu*: hợp phần này có tên đầy đủ là *Tân san bổ chính Thiếu Vi*

thông giám tiết yếu đại toàn (新刊補正少微通鑑節要大全), gồm 28 quyển. Đây là bộ sách sử Trung Quốc dùng trong khoa cử, được tiết lược từ 50 quyển *Thiếu Vi tiết yếu thông giám đại toàn* (少微節要通鑑大全). Bộ sách này được Giang Chí 江贇 hiệu Thiếu Vi 少微 thời Tống tiết lược từ thời Chu Uy Liệt đến thời Hậu Đường Ngũ Đại của bộ *Tư trị thông giám đại toàn* (資治通鑑) của Tư Mã Quang 司馬光 (1019 - 1086) tạo thành phần Tiền biên. Sau đến đời Minh, Lưu Diêm 劉剡 hiệu Nhân Trai 仁齋 tiếp tục công việc đó, ghi chép từ thời Tống đến Nguyên thành Hậu Biên. Phần Tam Hoàng đến nhà Chu, do Lưu Thứ 劉恕 thời Tống, Kim Lý Tường 金履祥 thời Nguyên viết ra.

3. Nhận định ban đầu về giá trị kinh học

Những khảo sát về tình hình và nội dung tư liệu trên đây mới chỉ dừng lại ở việc hiểu thêm về quy mô cấu trúc tác phẩm với 66 quyển, 5.126 trang văn bản và tính phổ biến của chúng qua 26 hệ bản được san khắc xuyên suốt lịch sử giáo dục và khoa cử thời Nguyễn. Thật là thiếu căn cứ nếu chỉ dựa vào đó mà đưa ra những nhận định về giá trị kinh học của cả một hệ thống thư tịch đồ sộ như vậy. Thế nhưng, những lược khảo trên phần nào phản ánh một phần đặc điểm, tính chất cũng như giá trị kinh học của hệ thống sách Tiết yếu:

1. Nếu như nhìn Tiết yếu, dưới góc độ kinh học, là một tác phẩm “rút gọn” từ *Đại toàn* thì không thể đánh giá chính xác giá trị của tác phẩm, bởi vì với quan điểm đó thì đây là một sản phẩm gọt đầu, cắt đuôi, bôi son, vẽ lọ, những quy tắc cơ bản nhất của kinh học Nho gia không được đảm bảo.

Việc định vị giá trị và đánh giá các phương diện của tác phẩm này một điều bắt buộc là phải đặt nó trong văn hóa khoa cử và các yêu cầu về thể thức làm văn trong trường thi, mà trước hết đó là trường kinh nghĩa. Quả thực, đứng từ phương diện này, Tiết yếu đã thể hiện là công cụ hữu ích và dạng thức sách giáo khoa chuyên dụng giúp thông hiểu kinh văn và bổ sung kiến thức cho trường thi. Bởi vậy, có thể nhận định, Tiết yếu nói chung là tác phẩm được biên tập bằng cách tái cấu trúc và thuyên thích kinh điển Nho gia với mục đích trực tiếp phục vụ cho khoa cử.

2. Tuy nói là tiết yếu, giản lược, nhưng nội dung của hệ thống thư tịch này bao chọn những tri thức dùng trong khoa cử. Đó cũng là những tri thức - cái học của một thể hệ nhà Nho, những tầng lớp tri thức và trước tác chính trong xã hội. Chúng là sự kết tinh thành tựu soạn thuật và huấn thích kinh điển của các nhà Nho Việt Nam qua nhiều thời kỳ. Bên cạnh đó, việc phát triển nghiên cứu hệ thống sách Tiết yếu, đặc biệt trong tương quan với các tác phẩm tiết yếu kinh điển xuất hiện trong các nước đồng văn khác là một vấn đề có tính khoa học và cấp thiết. Qua đó, giúp hiểu thêm về việc tiếp nhận kinh điển Nho giáo, khoa cử và giáo dục khoa cử ở Việt Nam và khu vực.

3. Hiện nay, khoa cử không còn đảm nhiệm vai trò phân khoa cử sĩ trong xã hội, Nho giáo cũng không còn giữ vị trí độc tôn, hệ thống sách Tiết yếu nói chung vẫn có công dụng như là một phương tiện tiếp kính giúp tiếp cận với kinh điển Nho gia, có thể là một tài liệu tham khảo tốt cho các

học giả, đặc biệt là ở Việt Nam, trước khi đi trực tiếp vào các bản cổ chú.

Nếu chúng ta muốn hiểu người xưa thì chúng ta phải học theo cái học của người xưa, nghiên cứu này mới chỉ dừng lại ở những mô tả, liệt kê có tính lược quan; thế nhưng, cũng mong từ đó có thể tạo cảm hứng cho các học giả khai thác mảnh đất màu này. Những vấn đề về văn bản, tác giả, sự tiếp nhận cũng như Nho gia kinh học sử ở Việt Nam; rộng hơn đến các lĩnh vực như nhà in, giáo dục tư gia, giao thương thư tịch Trung Quốc - Việt Nam đều có thể phát triển thành các nghiên cứu chuyên biệt. Đó cũng là những điều chúng tôi muốn triển khai nghiên cứu trong tương lai./.

N.H.A

Chú thích và tài liệu tham khảo

1. Dẫn theo Nguyễn Phúc Anh (2012), “Từ việc khảo sát các hệ bản *Tứ thư Ngũ kinh* ở Việt Nam bàn về vị trí của hệ thống *Đại toàn* trong khoa cử truyền thống”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 1 (110), tr. 27-45.

2. Nguyên văn: “是編以明永樂間所著《四書大全》泛濫廣博，舉業家鮮能窮其說，乃采其要領，俾簡明易誦。然《大全》龐雜萬狀，沙中金屑，本自無多。喬介所摘，又未能盡除枝蔓，獨得精華，則亦虛耗心力而已。” Dẫn theo 纪昀等 (2000) (李大星杨永林編輯), 四庫全书总目提要, 河北人民出版社, 河北.

3. Cũng gọi là *Tứ thư Hành tham* - bản *Tứ thư* của quan Hành Tham tụng (chức quan của Bùi Huy Bích). Theo đó, Bùi Huy Bích đã dọn lại bộ *Tứ thư đại toàn* của Trung Hoa, làm thành một bộ sách giản ước cho học trò dễ học. Chữ “quan hành” là do kẻ hậu học gọi thế, chỉ nghĩa là bộ sách do quan Hành Tham tụng sửa dọn. Dẫn theo Trúc Khê Ngô Văn Triện, Trúc

Khê Ngô Văn Triện (1944), *Bùi Huy Bích - Danh nhân truyện ký*, Tân Dân, tr.64.

4. Đinh Văn Minh (2002) trong bài viết “Tứ thư quan hành” đã dẫn lại một số nhận định về công nhận *Tứ thư quan hành* là cách gọi dân gian của *Tứ thư tiết yếu*. Đầu tiên là nhận định của Trương Chính cho rằng: Bùi Huy Bích đã soạn lại sách *Tứ thư* cho học trò đi học, tục gọi là *Tứ thư quan hành*, đến thời Tự Đức vẫn dùng nhiều. Nhóm dịch giả trong cuốn *Hoàng Việt thi văn tuyển* (1957) NXB. Văn hoá xuất bản đã nhận định: Bùi Huy Bích trước tác nhiều sách thường được gọi là sách Hành tham (sách của quan Hành tham). Trong bài viết này, tác giả cho rằng tất cả hệ thống sách Tiết yếu đều được dân gian gọi là sách Hành tham. Dẫn theo Đinh Văn Minh (2002), *Tứ thư quan hành*, *Thông báo Hán Nôm học năm 2002*, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, tr.365).

5. Bài Tựa *Tứ thư đại toàn tiết yếu*: “Tiết 節 nghĩa là giản ước, yếu 要 cũng có nghĩa là giản ước. Vì sao cần phải giản ước? Để tiện cho khoa cử mà thôi. Cái học khoa cử với cái học nghĩa lý không giống nhau, cái học nghĩa lý từ uyên bác mà ước lược lại, còn cái học khoa cử chỉ chủ ở giản ước. Bởi vậy, lấy toàn bộ kinh truyện mà tiết lược đi. Trong [những bản tiết lược đó] chỉ có bản của Bùi thị tốt hơn bản của các nhà khác. Trước đã khắc xong *Ngũ kinh*, nay tiếp tục đến *Tứ thư*. Những đoạn huấn hử, giải thích bên trong đều giống như bản gốc, mà đều đặt đầu đề là “tiết yếu” vậy. 節, 約也; 要亦約也。何約乎? 便於決科而已矣。夫科舉之學與義理之學不同, 義理之學必自博而之約, 科舉之學則主於約。故取經傳之全而節之。就中裴氏私本較諸家爲善。前既取其五經而梓之, 今乃及於四書。其間訓釋援引, 一依原本, 而皆顏之曰‘節要’云。】” (R.380, Tựa, tr.1a-2b). Bài Tựa *Ngũ kinh tiết yếu diễn nghĩa*, Minh Mệnh thứ 18 (1837): “Khoa cử được đặt ra từ trước. Đã có khoa cử thì sẽ có văn chương khoa cử. Đã có

văn chương khoa cử, ắt sẽ có cái học khoa cử. Tiết yếu là cái học của khoa cử vậy. Thế nhưng, văn chương truyền tải đạo lý trong *Ngũ kinh*, *Luận ngữ*, *Mạnh Tử* đều là chỗ quan trọng, vì sao lại tiết lược? Các nhà đều có bản riêng, mà tìm chỗ huấn hử, giải thích chính xác, rõ ràng, dẫn dụ bao quát, phổ bác, thì bản của Bùi thị thực đáng lựa chọn. Trước đã san xong *Tứ thư*, nay lại lấy *Ngũ kinh* mà san khắc, để chúng cùng lưu hành trong thế gian, gọi “tiết yếu” đó là tên vậy. Còn cái học nghĩa lý, sách này nào dám? 科舉之設, 其來尚矣。既有科舉, 則有科舉之文。有科舉之文, 則有科舉之學。節要者, 科舉之學也。不然五經語孟載道之文皆要也, 何以節爲? 諸家各有私本, 而求其訓釋詳核, 援引該博, 則于裴氏本深有取焉。前既刊其四書, 茲又取其五經而刊之, 俾並行于世, 曰‘節要’, 仍其名也。若夫義理之學, 則何敢云云。” (AB. 539, Tựa, tr.1a-2b). Bài Tựa *Ngũ kinh tiết yếu* Minh Mệnh thứ 11 (1837): “Tiết yếu là bản nguyên gốc của thầy họ Bùi. Văn chương tải đạo của *Ngũ kinh*, đều là chỗ thiết yếu. Cái học khoa cử chuyên chú vào việc lý hội, chữ nghĩa dần dần được tiết lược mà giản ước đi, để cho dễ nhớ mà chuẩn bị đầy đủ [kiến thức] để đi thi. Các bậc tiền bối đều có bản riêng, thế nhưng trong những bản đó, huấn hử giải thích rõ ràng, dẫn dụng uyên bác thì chưa có bản nào bằng bản này. Bởi vậy mới đem khắc ván, đặt tên là “tiết yếu”, cũng nó là chỗ thiết yếu của cái học khoa cử. 節要者, 裴氏原本也。五經載道之文, 皆要也。科舉之學專於理會, 文字往往節而約之, 以便記誦備決科。前輩諸家, 各有私本, 就中訓解詳核, 引用淵博, 則未有如是本者。因鉏之梓, 顏以節要, 亦曰舉學之要云。” (R.1358, Tựa, tr. 1a-2b).

6. Bùi Huy Bích: tự Hy Chương 希章, hiệu là Tồn Am 存庵, sinh tại làng Định Công, Hà Nội. Dòng họ Bùi của ông là dòng họ có truyền thống khoa bảng, do đó Bùi Huy Bích có điều

kiện tiếp xúc với sách vở từ nhỏ. Năm Cảnh Hưng thứ 23 (1762), ông thi Hương đỗ Tứ trường. Năm Cảnh Hưng thứ 30 (1770), ông đỗ Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân, làm quan đến Hành Tham tụng, tước Kế Liệt hầu. Năm Cảnh Hưng thứ 46 (1786), ông cáo bệnh từ quan, lui về nhà riêng ở phường Bích Câu. Năm Gia Long thứ 17 (1818) ông qua đời. Bản *Tứ thư tiết yếu* có niên đại sớm nhất vào năm 1820, chỉ 02 năm sau khi ông mất.

7. Nguyên văn: 三月，故黎行參裴輝碧卒。《五經》、《四書》、及《性理》、《周禮》、《少微》諸部，書坊並依裴氏原本刊行，世儒寶之。 Dẫn theo Phan Thúc Trục (bản dịch của Nguyễn Thị Oanh và nhóm dịch, 2010), *Quốc sử di biên*, NXB. Khoa học xã hội, tr.695.

8. Dẫn theo Ca Văn Thỉnh, Bảo Định Giang (1984), *Nguyễn Thông con người và tác phẩm*, NXB. Thành phố Hồ Chí Minh, tr.306-308.

9. Dẫn theo Huỳnh Thúc Kháng (1972), “Lối học khoa cử và lối học của Tống Nho có phải là học đạo Khổng Mạnh không?”, *Huỳnh Thúc Kháng con người và thơ văn* (Nguyễn Q Thắng), Phủ quốc vụ khanh đặc trách văn hoá, Sài Gòn, tr.34.

10. Theo Nguyễn Hải Anh (2021), “Khảo sát *Luận ngữ tiết yếu*”, Luận văn Thạc sĩ Hán Nôm, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 13.

11. Ghi trong Hoàng Xuân Hãn (Hữu Ngọc và Nguyễn Đức Hiền sưu tập, biên tập, 1998), *La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn*, tập 2, NXB. Giáo Dục, Hà Nội, tr.1073.

12. Nhiều nét tương đồng với hệ bản Thiệu Trị thứ 2.

13. Ngoài bìa ghi: “Thanh Thịnh Bùi thị nguyên bản 青盛裴氏原本”.

14. Bổ sung thêm phần phụ lục: *Nguyễn Thám hoa quan chính bản* 阮探花官正本.

15. Hiện nay chúng tôi chưa có điều kiện khảo sát về hệ bản này, nhưng trong thư mục ghi chép nên vẫn xếp vào đây.

16. Trên thực tế, con số này có thể nhiều hơn bởi còn nhiều văn bản chưa được tập hợp. Những ký hiệu được nêu ra ở đây chỉ là để minh chứng cho sự tồn tại của các hệ bản, còn các văn bản là bộ phận thuộc các hợp phần thì số lượng này rất lớn, khó có thể tổng kết được.

17. Về sau, chính bởi tính quan phương và phổ biến của chúng, đến thời kỳ Minh, Thanh tiếp tục được bổ sung chú giải hoặc tạo ra các chú giải khác tuân theo cách hiểu kinh của Chu Hy và học phái của ông, các tác phẩm này thường có chữ “Đại toàn” trong tên.

18. *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập 15, NXB. Thuận Hóa, Huế, tr.287.

19. *Ngũ kinh đại toàn* 五經大全: gồm 154 quyển. Nội dung bao gồm: *Chu Dịch đại toàn* 周易大全 dựa theo *Dịch Truyền* 易傳 của Y Xuyên 伊川, *Dịch bản nghĩa* 易本義 của Chu Hy 朱熹 tập hợp thành 24 quyển; *Thư truyện đại toàn* 書傳大全 dựa theo *Thư tập truyện* 書集傳 của Sái Thâm 蔡沈 tập hợp thành 10 quyển; *Thi kinh đại toàn* 詩經大全 dựa theo *Thi tập truyện* 詩集傳 của Chu Hy tập hợp thành 20 quyển, *Lễ ký đại toàn* 禮記大全 dựa theo *Lễ ký tập thuyết* 禮記集說 của Trần Hạo 陳澠 tập hợp thành 30 quyển, *Xuân Thu đại toàn* 春秋大全 dựa theo *Xuân Thu truyện* 春秋傳 của Hồ An Quốc 胡安國 tập hợp thành 70 quyển. Cũng như *Tứ thư đại toàn*, trong đây chú giải các nhà Nho làm ra các sách cơ bản để tập hợp thành *Đại toàn* được viết thành Đại chú và Tiểu chú là các chú giải của các nhà Nho khác phụ dục cho Đại chú.

20. Văn bản AB. 539/1 - 12 tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm gồm 1.575 trang (3150 mặt).
21. Theo Bùi Anh Chương (2014), “Nghiên cứu *Tĩnh lý tiết yếu*”, Luận văn Thạc sĩ, Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.88.
24. Nguyễn Phúc Anh (2012), “Từ việc khảo sát các hệ bản *Tứ thư Ngũ kinh* ở Việt Nam bàn về vị trí của hệ thống *Đại toàn* trong khoa cử truyền thống”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 1 (110), tr. 27-45.
25. Hoàng Xuân Hãn (Hữu Ngọc và Nguyễn Đức Hiền sưu tập, biên tập) (1998), *La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn*, tập 2, NXB. Giáo Dục, Hà Nội.
26. Huỳnh Thúc Kháng (1972), “Lối học khoa cử và lối học của Tống Nho có phải là học đạo Khổng Mạnh không?”, *Huỳnh Thúc Kháng con người và thơ văn* (Nguyễn Q Thắng), Phủ quốc vụ khanh đặc trách văn hoá, Sài Gòn.
27. Đinh Văn Minh (2002), *Tứ thư quan hành*, *Thông báo Hán Nôm học năm 2002*, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, tr. 364-369.
28. Nội các triều Nguyễn (bản dịch của Nguyễn Danh Chiên, Phạm Duy Giu, Đỗ Mộng Khương, 1992), *Khâm định Đại Nam Hội điển sự lệ*, tập 15, NXB. Thuận Hoá, Huế.
29. Ca Văn Thỉnh, Bảo Định Giang, (1984), *Nguyễn Thông con người và tác phẩm*, NXB. Thành phố Hồ Chí Minh.
30. Phan Thúc Trực (2010) (bản dịch của Nguyễn Thị Oanh và nhóm dịch), *Quốc sử di biên*, NXB. Khoa học Xã hội.
31. Trúc Khê Ngô Văn Triện (1944), *Bùi Huy Bích - Danh nhân truyện ký*, Tân Dân.
32. *Thư kinh tân ước* 書經新約, Viện Sử học, ký hiệu Hn.890.
33. *Ngũ kinh tiết yếu* 五經節要, Thư viện Quốc gia, R.1358.
34. *Ngũ kinh tiết yếu diễn nghĩa* 五經節要演義, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, AB. 539/1 - 12.
35. *Tứ thư đại toàn tiết yếu Đại học* 四書大全節要大學, Thư viện Quốc gia, R.380.
36. Kỳ Hiểu đẳng 紀昀等 (2000) (Lý Đại Tinh, Dương Vĩnh Lâm biên tập 李大星楊永林編輯), *Tứ khố toàn thư tổng mục đề yếu* 四庫全書總目提要, Hà Bắc nhân dân xuất bản xã 河北人民出版社, Hà Bắc 河北.